TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023
v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Đức

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984. Nơi ĐKHKTT: Số 55 đường L, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện nay: K39/34 đường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Trần Thanh L, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số 55 đường L, phường K, quận C , thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh L tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 55 đường L, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn vào khoảng tháng 5/2015. Nguyên nhân là do ông L thường xuyên say xỉn về gây gổ chửi bới bà. Ông N không có trách

nhiệm với gia đình, để bà một thân một mình lo cho con cái gia đình, ông N còn thường xuyên vắng nhà không rõ lý do. Từ đầu tháng 12/2022 bà đã dẫn con chung đến sinh sống tại địa chỉ: 39/34 đường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng bà có 02 con chung: Trần Thị Mỹ L, sinh ngày: 04/7/2006 và Trần Gia P, sinh ngày: 17/7/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia P và giao cháu Trần Thị Mỹ L cho ông Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có.

Đối với bị đơn ông Trần Thanh L: Mặc dù ông Trần Thanh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Thanh L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Thanh L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Gia P , sinh ngày: 17/7/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày: 04/7/2006 cho ông Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm

tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2023 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn để xin ly hôn và nuôi con, không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Thanh L có địa chỉ tại: Số 55 đường L, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N. Bị đơn ông Trần Thanh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Thanh L tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyển số 01, đăng ký ngày 28/3/2005. Do đó, hôn nhân giữa ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị N là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, HĐXX nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Bà N cũng chịu đựng và nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông L không thay đổi. Do đó, vào khoảng đầu năm 2022, bà đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ yêu cầu ly hôn đối với ông L . Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 265/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2022. Tuy nhiên, quá trình về chung sống, ông L vẫn không thay đổi, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được nên bà N tiếp tục nộp lại đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L. Theo xác minh tại nơi cư trú của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị N thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông L và bà N có xảy ra mâu thuẫn. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Trần Thanh L vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này

chứng tỏ ông Trần Thanh L bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị N. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Trần Thanh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Thanh L.

[5] Về con chung:

[5.1] Bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có 02 con chung: Trần Thị Mỹ L, sinh ngày: 04/7/2006 và Trần Gia P , sinh ngày: 17/7/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia P và giao cháu Trần Thị Mỹ L cho ông Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Theo bản tự khai của cháu Trần Thị Mỹ L thể hiện nguyện vọng của cháu là muốn ở với ba và theo bản tự khai của cháu Trần Gia P thể hiện cháu muốn ở với mẹ. Vì vậy, việc giao cháu Trần Gia P cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thị Mỹ L cho ông Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của các cháu. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc giao con chung Trần Gia P cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Trần Thị Mỹ L cho ông Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng.

[5.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị N đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Thanh L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Thanh L (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, quyển số 01, đăng ký ngày 28/3/2005 tại UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao con chung Trần Gia P , sinh ngày: 17/7/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Trần Thị Mỹ L, sinh ngày: 04/7/2006 cho ông Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009367 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Khuê Trung;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh Tuyền